

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57 /2022/HS-PT

Ngày: 23/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Trọng Danh

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na**-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lương Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 33/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo **VÕ ĐỒNG T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HS-ST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **VÕ ĐỒNG T** (tên gọi khác: **Nguyễn Nho H**), sinh ngày 11/02/1963 tại Thái Nguyên; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 01C đường T, phường C, quận Ch, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Ấp C, xã Tr, huyện T, tỉnh An Giang; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Ch (c) và bà Nguyễn Thị Đ (c), có vợ là Khương Thị Ng (đã ly hôn) và có một con chung (sinh năm 1990); sống chung như vợ chồng với bà Võ Thị Diễm Th (đã có bản án xét xử không công nhận vợ chồng) và có 02 con chung. (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010).

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/6/2021; Tạm giam ngày 24/6/2021. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Đồng T là nhân viên của Công ty Xuất khẩu Thủy sản Quảng Nam-Đà Nẵng. Năm 1993, T được phân công làm nhân viên thu mua thủy sản của Trạm kinh doanh vật tư thủy sản do ông Lê Khắc C làm Trạm trưởng. Theo quy định của Công ty và Trạm, T có nhiệm vụ tìm nguồn thủy sản giá rẻ trên thị trường, làm phiếu đề xuất ông C duyệt mua. Sau đó T đem phiếu này đến bộ phận kế toán để lĩnh tiền, nhận phiếu chi. Sau khi nhận tiền, T phải mua được số hàng thủy sản như đề xuất, đưa về lưu trong kho của Trạm hoặc Công ty. Sau khi mua được hàng, T có nhiệm vụ tìm khách để bán lại số hàng đã mua và phải có lợi nhuận. Đầu năm 1994, nhiều lần ông C và bà Nguyễn Thị Ư là kế toán của Trạm làm thủ tục cho T ứng tổng số tiền 378.402.000đ để thu mua 5,35 tấn mực khô. Đến tháng 01/1994 T đề xuất và ông C đồng ý cho T xuất 5,35 tấn mực khô nêu trên để đi bán cho khách hàng tại Lạng Sơn. Ngày 10/01/1994 ông C xuất hóa đơn bán hàng số GC/91-B 14976 cho T để nhận và vận chuyển 5,35 tấn mực khô đi bán tại Lạng Sơn. T tự thuê xe để vận chuyển số hàng trên, đến ngày 11/01/1994 T đến Lạng Sơn và gặp bà H (*không xác định lai lịch*) môi giới bán số hàng này cho thương lái Trung Quốc được 310.930 Nhân dân tệ. Ngày 14/01/1994 T đem số tiền trên đổi cho bà N tại Lạng Sơn (*không xác định lai lịch*) lấy 26 lạng vàng, 15.000 USD và 80.000.000đ. Đến ngày 17/01/1994 T về lại Đà Nẵng nhưng không nộp lại số tiền này cho Công ty mà bỏ trốn cùng bạn gái là Thái Thị Kim A.

Ngày 03/02/1994 Công ty Xuất khẩu Thủy sản Quảng Nam – Đà Nẵng có đơn tố cáo đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Ngày 22/02/1994 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Quyết định truy nã đối với Võ Đồng T về tội “Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa”. Ngày 15/6/2021, T bị Công an huyện T, tỉnh An Giang phát hiện, bắt giữ.

Tại Bản án sơ thẩm số 25/2022/HS-ST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Võ Đồng T 09 (chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 15/6/2021.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; Án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/3/2022, bị cáo Võ Đồng T có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử quá nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo thì thấy rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HS-ST ngày

18/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 353 BLHS là đúng nhưng mức án 09 năm tù mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bản thân bị cáo có thời gian tham gia quân đội hơn 4 năm, gia đình có công với cách mạng, có cha ruột là ông Võ Văn Chlà thương binh, có chú ruột tên Võ T là Liệt sĩ, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa Bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Võ Đồng T giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Võ Đồng T là nhân viên của công ty Xuất khẩu Thủy sản tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ). Năm 1993, T được phân công làm nhân viên thu mua thủy sản của Trạm kinh doanh vật tư thủy sản. Ngày 10/01/1994, sau khi đề xuất và được sự đồng ý của trạm trưởng, Võ Đồng T thuê xe vận chuyển 5,35 tấn mực của Công ty đi bán cho khách hàng tại Lạng Sơn, đến ngày 11/01/1994 T bán số hàng này cho thương lái Trung Quốc được 310.930 nhân dân tệ. Sau khi bán hàng, T có trách nhiệm quản lý số tiền trên và phải về nộp lại cho Công ty nhưng T không nộp mà chiếm đoạt, bỏ trốn. Trị giá 310.930 nhân dân tệ tại thời điểm chiếm đoạt là 396.746.680đ. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức đối với việc quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản. Bị cáo đã lợi dụng quyền hạn, chiếm đoạt số tiền mà mình có trách nhiệm quản lý nên đã phạm vào tội “Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa” theo khoản 3 Điều 133 BLHS năm 1985. Vụ án được khởi tố vào ngày 22/02/1994 nhưng do bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã vào ngày 15/6/2021. Ngày 18/6/2021 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đà Nẵng mới có quyết định phục hồi điều tra vụ án. Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, ảnh hưởng tình hình trật tự trị an xã hội. Tuy số tiền bị cáo chiếm đoạt 396.746.680đ cấu thành tội phạm theo khoản 2

Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Song xét tại thời điểm bị cáo phạm tội, hậu quả này đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, mặc dù áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo khi áp dụng pháp luật, song khi lượng hình cũng cần xem xét xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS và xử phạt bị cáo 09 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo có xuất trình các tài liệu chứng minh gia đình bị cáo có công với đất nước, có ông Võ Tlà chú ruột của bị cáo là Liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; Cha ruột của bị cáo là ông Võ Văn Ch là thương binh bị mất nửa cánh tay, mù một mắt; Bản thân bị cáo từng phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn từ tháng 2/1982 đến tháng 3/1986 và được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng Bằng khen vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Đây là những tình tiết mới mà bị cáo được hưởng theo qui định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên làm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Sửa Bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do chấp nhận kháng cáo của bị cáo. .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Đồng T; Sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Võ Đồng T 07(bảy) năm** tù về tội “**Tham ô tài sản**”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 15/6/2021.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Võ Đồng T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- CQCSĐT Công an quận Hải Châu;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Dương Thị Hồng Minh

